

Số: 113/DBC-VPHĐQT  
V/v: CBTT Báo cáo tài chính  
năm 2023 đã được kiểm toán

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH  
CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

**1. Tên tổ chức:** Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam  
- Mã chứng khoán: DBC  
- Địa chỉ trụ sở: Số 35 Đường Lý Thái Tổ, TP.Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh  
- Điện thoại liên hệ: 0222 3826077 Fax: 0222 3896000  
- Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Huệ Minh - Chánh văn phòng Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam.

Loại thông tin công bố:  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**2. Nội dung thông tin công bố:**

- Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (gồm Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất).  
- Giải trình LNST hợp nhất tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 thay đổi so với cùng kỳ năm 2022.

**3.** Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/03/2024 tại đường dẫn: [www.dabaco.com.vn](http://www.dabaco.com.vn).

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**\* Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính năm 2023;
- Công văn giải trình.

**TL.CHỦ TỊCH HĐQT  
CHÁNH VĂN PHÒNG HĐQT**



Nguyễn Thị Huệ Minh

# **Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 51

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2300105790 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 23 tháng 12 năm 2004 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 23 được cấp ngày 21 tháng 11 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ tháng 7 năm 2019 với mã chứng khoán là DBC.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất thức ăn chăn nuôi; sản xuất và kinh doanh giống gia súc, gia cầm, thủy cầm, thủy sản;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, nhà ở và đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị mới, khu công nghiệp vừa và nhỏ;
- ▶ Sản xuất, chế biến và kinh doanh thịt gia súc, gia cầm, thủy cầm; sản xuất, chế biến và kinh doanh thức ăn thủy sản; nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi; nuôi giữ, lai tạo đàn giống gốc: gia súc, gia cầm và thủy sản; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại số 35, đường Lý Thái Tổ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh có địa chỉ tại số 22 ấp 4, đường số 18, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch
Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Tường	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Thành viên
Ông Lê Quốc Đoàn	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên
Ông Hoàng Nguyên Học	Thành viên
Ông Bùi Văn Hoan	Thành viên

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Sỹ Quý	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích	Thành viên

## BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Các thành viên Ban kiểm toán nội bộ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đinh Thị Minh Thuận	Phụ trách ban
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Quang	Thành viên

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Khắc Thảo	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	
Ông Phạm Văn Học	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thế Tường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Tuế	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 1 năm 2023
Ông Đỗ Việt Quân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 1 năm 2023
Bà Lê Thị Minh Thu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023
Bà Bùi Hải Huyền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2023 Miễn nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2024

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đến ngày 20 tháng 11 năm 2023 là ông Nguyễn Như So và từ ngày 20 tháng 11 năm 2023 đến ngày lập báo cáo là ông Nguyễn Như So và ông Nguyễn Khắc Thảo.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Khắc Thảo  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hương  
Phó Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 11658659/66910589-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 28 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 51, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



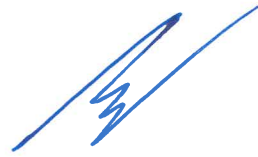
### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội**



Bùi Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2023-004-1



Nguyễn Quý Mạnh  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4482-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>7.101.240.626.454</b>	<b>7.065.129.967.455</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>592.137.027.608</b>	<b>627.011.780.110</b>
111	1. Tiền		571.879.101.899	621.825.068.976
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.257.925.709	5.186.711.134
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>489.883.400.931</b>	<b>504.883.327.067</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	489.883.400.931	504.883.327.067
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>424.294.692.650</b>	<b>566.026.532.804</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	222.495.622.121	251.009.823.568
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	140.399.580.900	235.352.234.346
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7.1	61.399.489.629	79.664.474.890
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>5.494.431.478.923</b>	<b>5.207.103.337.086</b>
141	1. Hàng tồn kho		5.499.998.000.755	5.215.915.439.542
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.566.521.832)	(8.812.102.456)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>100.494.026.342</b>	<b>160.104.990.388</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	31.292.143.982	78.742.430.602
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	44.682.806.829	60.950.085.486
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	4.567.794.967	4.515.694.972
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		19.951.280.564	15.896.779.328
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>5.910.463.631.418</b>	<b>5.908.973.953.895</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>36.857.580.999</b>	<b>23.415.682.390</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7.2	36.857.580.999	23.415.682.390
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>5.148.429.144.344</b>	<b>4.301.764.720.167</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	4.533.770.857.929	3.883.670.521.162
222	Nguyên giá		7.453.231.013.002	6.385.372.842.454
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.919.460.155.073)	(2.501.702.321.292)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	614.658.286.415	418.094.199.005
225	Nguyên giá		763.724.174.598	551.929.745.143
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(149.065.888.183)	(133.835.546.138)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>475.694.083.517</b>	<b>1.397.664.532.031</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		475.694.083.517	1.397.664.532.031
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>119.560.794.629</b>	<b>114.326.245.295</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	13	109.560.794.629	114.326.245.295
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	10.000.000.000	-
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>129.922.027.929</b>	<b>71.802.774.012</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	129.922.027.929	71.802.774.012
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>13.011.704.257.872</b>	<b>12.974.103.921.350</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>8.345.469.400.426</b>	<b>8.332.876.258.119</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>7.141.605.465.752</b>	<b>7.213.028.754.790</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	795.600.820.770	2.129.218.054.781
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	221.365.130.349	887.480.636.510
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	32.466.081.244	45.386.464.898
314	4. Phải trả người lao động		76.318.847.292	64.869.734.832
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	104.358.924.479	64.513.700.484
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.037.387.546.457	221.417.270.657
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	4.840.720.809.254	3.704.610.246.721
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	33.387.305.907	95.532.645.907
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.203.863.934.674</b>	<b>1.119.847.503.329</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	177.449.382.418	233.598.919.978
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	1.026.414.552.256	886.248.583.351
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>4.666.234.857.446</b>	<b>4.641.227.663.231</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21.1</b>	<b>4.666.234.857.446</b>	<b>4.641.227.663.231</b>
411	1. Vốn cổ phần		2.420.018.590.000	2.420.018.590.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.420.018.590.000	2.420.018.590.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		418.432.992.221	418.432.992.221
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		1.799.871.477.604	1.794.676.890.507
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		27.911.797.621	8.099.190.503
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.904.603.406	2.904.603.406
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		25.007.194.215	5.194.587.097
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>13.011.704.257.872</b>	<b>12.974.103.921.350</b>

Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Kế toán trưởng

Nguyễn Như So  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Bắc Ninh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	11.241.164.150.311	11.687.827.152.346
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(131.163.393.499)	(130.232.486.099)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	11.110.000.756.812	11.557.594.666.247
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(9.995.759.533.961)	(10.598.058.965.427)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.114.241.222.851	959.535.700.820
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	35.776.736.369	28.797.705.334
22	7. Chi phí tài chính	24	(280.735.411.591)	(200.733.624.698)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(261.799.262.786)	(179.749.859.502)
24	8. Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên kết	13	(2.765.450.666)	8.821.301
25	9. Chi phí bán hàng	25	(432.440.161.015)	(403.169.934.750)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(356.355.906.770)	(343.520.530.816)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		77.721.029.178	40.918.137.191
31	12. Thu nhập khác	26	21.669.113.433	44.442.129.827
32	13. Chi phí khác		(1.640.931.259)	(6.382.198.621)
40	14. Lợi nhuận khác		20.028.182.174	38.059.931.206
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		97.749.211.352	78.978.068.397
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	(72.742.017.137)	(73.783.481.300)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		25.007.194.215	5.194.587.097
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		25.007.194.215	5.194.587.097
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	103	21
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31	103	21

  
Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Người lập

Bắc Ninh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

  
Nguyễn Thị Thu Hương  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Như So  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>97.749.211.352</b>	<b>78.978.068.397</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định		547.283.343.319	497.033.504.524
03	(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng		(3.245.580.624)	8.812.102.456
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(88.033.361)	(36.128.032)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(28.140.466.807)	(27.379.391.340)
06	Chi phí lãi vay	24	261.799.262.786	179.749.859.502
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>875.357.736.665</b>	<b>737.158.015.507</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		145.915.546.408	(26.390.778.491)
10	Tăng hàng tồn kho		(284.082.561.213)	(1.012.472.587.319)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(1.309.325.837.720)	1.003.093.575.992
12	Tăng chi phí trả trước		(2.264.400.662)	(76.141.932.073)
14	Tiền lãi vay đã trả		(254.212.019.637)	(172.683.333.228)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(76.543.382.224)	(99.132.187.899)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	20	(62.145.340.000)	(41.673.671.830)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(967.300.258.383)</b>	<b>311.757.100.659</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(375.110.099.380)	(1.188.892.761.221)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		83.614.025.727	271.926.718.819
23	Tiền chi đầu tư vào khoản tiền gửi có kỳ hạn		(116.658.891.389)	(72.378.963.777)
24	Tiền thu hồi lại khoản tiền gửi có kỳ hạn		121.658.817.525	144.578.449.751
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		28.662.590.336	27.082.773.044
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(257.833.557.181)</b>	<b>(817.683.783.384)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		12.273.807.180.542	9.599.108.520.932
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(10.947.892.010.662)	(8.463.725.054.367)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính		(135.744.140.179)	(202.538.221.066)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>1.190.171.029.701</b>	<b>932.845.245.499</b>

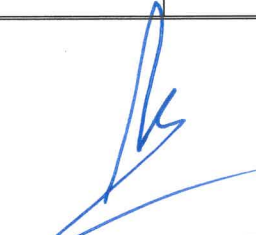
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(34.962.785.863)	426.918.562.774
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		627.011.780.110	200.057.089.304
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		88.033.361	36.128.032
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	592.137.027.608	627.011.780.110



Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hương  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Kế toán trưởng



Nguyễn Như So  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bắc Ninh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2300105790 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 23 tháng 12 năm 2004 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 23 được cấp ngày 21 tháng 11 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất thức ăn chăn nuôi; sản xuất và kinh doanh giống gia súc, gia cầm, thủy cầm, thủy sản;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, nhà ở và đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị mới, khu công nghiệp vừa và nhỏ;
- ▶ Sản xuất, chế biến và kinh doanh thịt gia súc, gia cầm, thủy cầm; sản xuất, chế biến và kinh doanh thức ăn thủy sản; nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi; nuôi giữ, lai tạo đàn giống gốc: gia súc, gia cầm và thủy sản; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 35, đường Lý Thái Tổ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh có địa chỉ tại số 22 ấp 4, đường số 18, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 6.515 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 6.368 nhân viên).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 27 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 28), bao gồm:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
1	Công ty TNHH Lợn giống Hạt nhân Dabaco	100	100	Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	▶ Chăn nuôi gia súc, gia cầm, sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, trâu, bò.
2	Công ty TNHH MTV Lợn giống Lạc Vệ	100	100	Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	▶ Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc; sản xuất kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác.
3	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Chăn nuôi gia công (**)	100	100	Cụm công nghiệp xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	▶ Chăn nuôi, các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi, mua bán và đại lý.
4	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Chăn nuôi Lợn Dabaco	100	100	Cụm công nghiệp xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	▶ Chăn nuôi lợn thịt, chăn nuôi lợn sữa, lợn giống, hoạt động hỗ trợ chăn nuôi; sản xuất và kinh doanh mua bán lợn thịt, lợn giống, lợn thương phẩm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)**

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
5	Công ty TNHH MTV Gà giống Dabaco	100	100	Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	➤ Chăn nuôi và kinh doanh gà giống.
6	Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang	100	100	Khu công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	➤ Sản xuất, kinh doanh thực phẩm; các sản phẩm bao bì nhựa PP, PE, composit; thương mại, dịch vụ.
7	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh	100	100	Cụm công nghiệp Khắc Niệm, xã Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	➤ Mua bán, xuất nhập khẩu nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, siêu thị, trung tâm thương mại.
8	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Dabaco (****)	100	100	Đường Huyền Quang, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	➤ Xây dựng công trình, lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, kinh doanh vật liệu xây dựng, mua bán và cho thuê xe, máy móc và thiết bị.
9	Công ty TNHH Nutreco	100	100	Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	➤ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, và thủy sản; kinh doanh thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.
10	Công ty TNHH Lợn giống Hải Phòng	100	100	Thôn Trại Viên, xã Lưu Kiếm, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	➤ Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc khác; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác.
11	Công ty TNHH Lợn giống Hà Nam	100	100	Thôn Thương Vĩ, xã Nhân Chính, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	➤ Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc khác; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác.
12	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam	100	100	Khu công nghiệp Hòa Mạc, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	➤ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, và thủy sản; kinh doanh thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.
13	Công ty TNHH Lợn giống Phú Thọ	100	100	Khu 1, xã Tề Lễ, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	➤ Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc khác; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức** (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
14	Công ty TNHH Xây dựng Hồ điều hòa Văn Miếu Bắc Ninh (*)	100	100	Số 35 đường Lý Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	▶ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, nhà, đường bộ.
15	Công ty TNHH Du lịch và Khách sạn Le Indochina	100	100	Đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	▶ Dịch vụ lưu trú, nhà hàng, ăn uống, thương mại, dịch vụ.
16	Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Lương Tài	100	100	Thôn Thanh Khê, xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	▶ Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc khác; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác.
17	Công ty TNHH Dabaco Tuyên Quang	100	100	Thôn Định Trung, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	▶ Sản xuất, lai tạo giống gia súc, gia cầm; chăn nuôi gia súc, gia cầm và các lĩnh vực khác liên quan.
18	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cụm Công nghiệp Khúc Xuyên (*)	100	100	Khu Khúc Toại, phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
19	Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco	100	100	Cụm công nghiệp Tân Chi, xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	▶ Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật.
20	Công ty TNHH Dabaco Bình Phước	100	100	Ấp Suối Đồi, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	▶ Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc khác.
21	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Dabaco Bình Phước	100	100	Ấp Suối Đồi, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản và lĩnh vực liên quan khác.
22	Công ty TNHH Dabaco Hòa Bình (*)	100	100	Xóm Lụng, xã Cuối Hạ, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	▶ Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn.
23	Công ty TNHH Xây dựng Đường H2 Thành phố Bắc Ninh	100	100	Số 35 đường Lý Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	▶ Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)**

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
24	Công ty Cổ phần Dabaco Quảng Ninh (*)	100	100	Thôn Trung Lương, xã Tràng Lương, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	➤ Sản xuất và kinh doanh giống gia súc, gia cầm; thức ăn chăn nuôi và lĩnh vực liên quan khác.
25	Công ty TNHH Dabaco Thanh Hóa	100	100	Khu Cống Hang, xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá	➤ Sản xuất và kinh doanh giống gia súc, gia cầm; thức ăn chăn nuôi và lĩnh vực liên quan khác.
26	Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Việt Nhật (*)	100	100	Khu Sơn, phường Hạp Lĩnh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	➤ Sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh.
27	Công ty TNHH Dược và Thú y Dacovet (*) (***)	100	100	Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 55, xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	➤ Sản xuất và kinh doanh giống gia súc, gia cầm và lĩnh vực liên quan khác.

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có các cam kết đầu tư góp vốn vào các công ty con này như trình bày tại Thuyết minh số 33.

(\*\*) Vào ngày 2 tháng 1 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐQT về việc sáp nhập Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao Dabaco (công ty con của Tập đoàn) vào Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Chăn nuôi gia công (công ty con của Tập đoàn).

(\*\*\*) Cũng theo Nghị quyết nêu trên, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định thành lập công ty con là Công ty TNHH Dược và Thú y Dacovet với số vốn điều lệ là 50 tỷ VND do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ.

(\*\*\*\*) Vào ngày 10 tháng 1 năm 2024, Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Phát triển Hạ tầng Dabaco đã đổi tên thành Công ty TNHH Cảng và Logistics Tân Chi.

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Quyết định số 679/QĐ-HĐQT về việc chuyển nhượng toàn bộ 100% số vốn góp, tương đương 100% vốn điều lệ, của Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hà Tĩnh do Công ty sở hữu. Theo đó, Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hà Tĩnh không còn là công ty con của Công ty kể từ thời điểm nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là đồng Việt Nam (VND).

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY** (tiếp theo)

**2.5 Cơ sở hợp nhất** (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

*Nguyên vật liệu, thành phẩm thức ăn chăn nuôi và hàng hóa thương mại*

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán các loại hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |                                                                          |   |                                                                                                                                                                                                          |
|--------------------------------------------------------------------------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ                            | - | Giá gốc được xác định dựa trên phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.                                        |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của thức ăn chăn nuôi | - | Giá gốc bao gồm nguyên vật liệu (được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền), chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ cho các thành phẩm theo tiêu chí hợp lý. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của con giống         | - | Giá mua con giống, chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.       |

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (tiếp theo)*

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Hàng hóa bất động sản*

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó, cụ thể như sau:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuê chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp tính theo giá đích danh.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian trích khấu hao của tài sản thuê tài chính như sau:

Máy móc và thiết bị	6 - 10 năm
Phương tiện vận tải	7 năm

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.6 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản.

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 8 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 Chi phí đi vay (tiếp theo)

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.9 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

##### *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

##### *Quỹ khen thưởng phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### 3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu xây lắp*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành được xác nhận bởi khách hàng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

##### *Doanh thu chuyển nhượng bất động sản*

Doanh thu được ghi nhận khi bên bán đã chuyển giao cho bên mua phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản, thông thường là trùng với việc chuyển giao bất động sản, và khả năng thu hồi giá chuyển nhượng bất động sản được đảm bảo một cách hợp lý.

Nếu một giao dịch không đáp ứng được các điều kiện trên, các khoản thanh toán theo tiến độ nhận được từ khách hàng được ghi nhận vào khoản mục người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất đến khi tất cả các điều kiện nêu trên được đáp ứng.

##### *Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng vốn*

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá trị vốn góp. Thu nhập được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch chuyển nhượng.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

#### 3.14 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.14 Thuế** (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **3.14 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### **3.15 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### **3.16 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Ban Tổng Giám đốc xác định Tập đoàn có các hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực sản xuất, bán thức ăn chăn nuôi và nguyên vật liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi; kinh doanh con giống và chế biến thực phẩm; kinh doanh bất động sản, dịch vụ xây lắp và hoạt động thương mại khác. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như trình bày tại Thuyết minh số 32. Toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Ban Tổng Giám đốc không trình bày thông tin theo bộ phận theo khu vực địa lý.

#### **3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	17.545.571.709	17.020.647.157
Tiền gửi ngân hàng	554.333.530.190	604.804.421.819
Các khoản tương đương tiền (*)	20.257.925.709	5.186.711.134
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>592.137.027.608</u></b>	<b><u>627.011.780.110</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 3,2%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3,7%/năm).

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Giá trị ghi sổ (đồng thời là giá gốc)</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	489.883.400.931	504.883.327.067
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>489.883.400.931</u></b>	<b><u>504.883.327.067</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Trái phiếu (**)	10.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

(\*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 2,5%/năm đến 8,2%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2,5%/năm đến 7,9%/năm), trong đó các khoản tiền gửi với tổng số dư là 467 tỷ VND đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay và thư tín dụng đã mở của Công ty và các công ty con tại các ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 19.1.

(\*\*) Trái phiếu phát hành bởi ngân hàng thương mại có kỳ hạn 10 năm, đáo hạn ngày 20 tháng 7 năm 2033 và hưởng lãi suất 7,6%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi và các hoạt động khác	215.341.714.839	231.512.169.654
Phải thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	7.153.907.282	19.497.653.914
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>222.495.622.121</u></b>	<b><u>251.009.823.568</u></b>

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần CPT Group	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Alpha	16.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Sản xuất Hoàng Hà	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp và Thiết bị Newgreen	3.574.215.689	7.879.408.000
Các khoản trả trước khác	95.825.365.211	227.472.826.346
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>140.399.580.900</u></b>	<b><u>235.352.234.346</u></b>

**7. PHẢI THU KHÁC**

**7.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tạm ứng cho nhân viên	26.505.403.724	25.568.300.704
Đặt cọc để mở thư tín dụng tại ngân hàng	18.068.564.599	14.238.999.069
Phải thu lãi tiền gửi	11.969.071.835	6.956.021.000
Phải thu từ thành viên quản lý chủ chốt về giao dịch chuyển nhượng vốn góp công ty liên kết ( <i>Thuyết minh số 30</i> )	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	3.856.449.471	31.901.154.117
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>61.399.489.629</u></b>	<b><u>79.664.474.890</u></b>

**7.2 Phải thu dài hạn khác**

Phải thu dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là khoản ký quỹ làm tài sản đảm bảo tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam cho một số hợp đồng thuê tài chính ký với công ty này (xem Thuyết minh số 19.3).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đang đi trên đường	166.858.078.635	-	290.600.202.986	-
Nguyên liệu, vật liệu	876.361.616.698	-	1.008.593.953.822	-
Công cụ, dụng cụ	21.532.153.214	-	14.148.458.891	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.088.024.806.968	(5.566.521.832)	3.435.395.401.017	(8.812.102.456)
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hoạt động kinh doanh bất động sản	1.080.381.069.681	-	1.297.364.849.648	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các hoạt động kinh doanh khác	3.007.643.737.287	(5.566.521.832)	2.138.030.551.369	(8.812.102.456)
Thành phẩm	272.178.494.495	-	325.055.144.246	-
Hàng hóa	75.042.850.745	-	142.122.278.580	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.499.998.000.755</u></b>	<b><u>(5.566.521.832)</u></b>	<b><u>5.215.915.439.542</u></b>	<b><u>(8.812.102.456)</u></b>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư hàng tồn kho với giá trị khoảng 1.411,9 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty và các công ty con tại các ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 19.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Số đầu năm	3.532.270.145.572	2.497.026.780.780	311.614.527.748	44.461.388.354	6.385.372.842.454
- Mua trong năm	834.130.000	36.094.442.140	15.046.171.704	3.987.377.335	55.962.121.179
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	784.452.143.961	429.412.650.266	20.544.985.964	4.644.489.546	1.239.054.269.737
- Phân loại từ TSCĐ thuế tài chính (Thuyết minh số 10)	-	113.123.628.723	3.172.880.000	-	116.296.508.723
- Thanh lý, nhượng bán	(24.903.127.318)	(323.586.409.558)	(462.359.582)	(1.347.970.933)	(350.299.867.391)
- Tăng khác	6.845.138.300	-	-	-	6.845.138.300
Số cuối năm	4.299.498.430.515	2.752.071.092.351	349.916.205.834	51.745.284.302	7.453.231.013.002
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	36.761.979.393	302.831.467.606	74.058.806.743	10.474.837.709	424.127.091.451
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	1.157.181.895.733	1.135.622.848.587	182.430.835.294	26.466.741.678	2.501.702.321.292
- Khấu hao trong năm	214.435.614.080	227.244.549.585	30.782.801.293	4.336.332.244	476.799.297.202
- Phân loại từ TSCĐ thuế tài chính (Thuyết minh số 10)	-	62.523.707.617	1.586.439.984	-	64.110.147.601
- Thanh lý, nhượng bán	(6.302.944.652)	(115.038.335.855)	(462.359.582)	(1.347.970.933)	(123.151.611.022)
Số cuối năm	1.365.314.565.161	1.310.352.769.934	214.337.716.989	29.455.102.989	2.919.460.155.073
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	2.375.088.249.839	1.361.403.932.193	129.183.692.454	17.994.646.676	3.883.670.521.162
Số cuối năm	2.934.183.865.354	1.441.718.322.417	135.578.488.845	22.290.181.313	4.533.770.857.929
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp (*)	459.359.112.217	291.561.478.508	7.195.401.626	1.448.964.453	759.564.956.805

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, một số tài sản cố định là khách sạn, siêu thị, nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất và dây chuyền sản xuất thực ăn chăn nuôi, thiết bị văn phòng với giá trị còn lại khoảng 759,5 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại của công ty và các công ty con như đã được trình bày trong Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	544.838.717.870	7.091.027.273	551.929.745.143
- Thuê thêm trong năm	328.090.938.178	-	328.090.938.178
- Phân loại sang TSCĐ hữu hình ( <i>Thuyết minh số 9</i> )	<u>(113.123.628.723)</u>	<u>(3.172.880.000)</u>	<u>(116.296.508.723)</u>
Số cuối năm	<u>759.806.027.325</u>	<u>3.918.147.273</u>	<u>763.724.174.598</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>			
Số đầu năm	131.800.433.903	2.035.112.235	133.835.546.138
- Khấu hao trong năm	78.336.465.249	1.004.024.397	79.340.489.646
- Phân loại sang TSCĐ hữu hình ( <i>Thuyết minh số 9</i> )	<u>(62.523.707.617)</u>	<u>(1.586.439.984)</u>	<u>(64.110.147.601)</u>
Số cuối năm	<u>147.613.191.535</u>	<u>1.452.696.648</u>	<u>149.065.888.183</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	<u>413.038.283.967</u>	<u>5.055.915.038</u>	<u>418.094.199.005</u>
Số cuối năm	<u>612.192.835.790</u>	<u>2.465.450.625</u>	<u>614.658.286.415</u>

Công ty thuê hệ thống thiết bị chuồng trại chăn nuôi và các phương tiện vận chuyển theo các hợp đồng thuê tài chính ký với các công ty cho thuê tài chính. Cam kết liên quan đến các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày trong Thuyết minh số 19.3.

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nhà máy sản xuất Vacxin	166.874.564.563	84.817.479.439
Dự án nhà máy ép dầu giai đoạn 2 (*)	121.276.910.557	99.100.474.835
Trung tâm thương mại Huyện Quang	109.001.808.029	81.003.347.439
Dự án cảng Dabaco - giai đoạn 2	32.493.135.765	35.657.221.219
Dự án chăn nuôi Thanh Hóa	-	780.208.055.559
Dự án lợn giống Dabaco Phú Thọ - giai đoạn 3	-	192.136.148.845
Các dự án khác	<u>46.047.664.603</u>	<u>124.741.804.695</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>475.694.083.517</b></u>	<u><b>1.397.664.532.031</b></u>

(\*) Các tài sản thuộc dự án này đang được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn như trình bày tại Thuyết minh số 19.2.

**12. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA**

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền khoảng 42 tỷ VND (năm 2022: 43,1 tỷ VND). Chi phí đi vay này phát sinh từ các khoản vay dùng để đầu tư các tài sản cố định của Tập đoàn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ (đồng thời là giá trị hợp lý)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	109.560.794.629	114.326.245.295
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>109.560.794.629</b>	<b>114.326.245.295</b>

Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các công ty liên kết do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết:

Tên đơn vị	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ vốn năm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị (VND)	Tỷ lệ vốn năm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Dabaco	(i) 80.343.996.473	49,65%	49,65%	85.532.965.378	49,65%	49,65%
Công ty Cổ phần Transeco	(ii) 29.216.798.156	33,33%	33,33%	28.793.279.917	33,33%	33,33%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>109.560.794.629</b>			<b>114.326.245.295</b>		

(i) Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Dabaco

Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Dabaco là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2300345626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 4 tháng 9 năm 2008 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của công ty này là giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm; sản xuất thực phẩm và đồ uống.

Công ty này có trụ sở tại Quốc lộ 38, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

(ii) Công ty Cổ phần Transeco

Công ty Cổ phần Transeco là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2300942823 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 13 tháng 7 năm 2016. Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của công ty này là cung cấp dịch vụ vận chuyển và vận tải.

Công ty này có trụ sở tại Cụm công nghiệp Khắc Niệm, phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Công ty Cổ phần Transeo</i>	<i>Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Dabaco</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Giá trị đầu tư:</b>			
Số đầu năm	20.000.000.000	114.000.000.000	134.000.000.000
Số cuối năm	20.000.000.000	114.000.000.000	134.000.000.000
<b>Phần lũy kế lợi nhuận/(lỗ) sau khi mua công ty liên kết:</b>			
Số đầu năm	8.793.279.917	(28.467.034.622)	(19.673.754.705)
- Phần lợi nhuận/(lỗ) trong năm	2.423.518.239	(5.188.968.905)	(2.765.450.666)
- Cổ tức được chia	(2.000.000.000)	-	(2.000.000.000)
Số cuối năm	9.216.798.156	(33.656.003.527)	(24.439.205.371)
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	28.793.279.917	85.532.965.378	114.326.245.295
Số cuối năm	29.216.798.156	80.343.996.473	109.560.794.629

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí môi giới bất động sản	262.027.518	52.223.000.005
Công cụ, dụng cụ	26.979.513.489	23.329.030.213
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.050.602.975	3.190.400.384
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.292.143.982</b>	<b>78.742.430.602</b>
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	43.092.689.905	39.508.197.356
Chi phí giống	84.980.497.808	30.659.313.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.848.840.216	1.635.263.656
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>129.922.027.929</b>	<b>71.802.774.012</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**15.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả nhà cung cấp nguyên vật liệu nước ngoài	7.262.572.370	1.151.780.870.391
- Enerfo Pte Ltd (Singapore)	-	630.235.409.400
- ETC Argo (PTY) LTD	-	417.770.038.350
- Các nhà cung cấp nước ngoài khác	7.262.572.370	103.775.422.641
Phải trả nhà cung cấp trong nước	778.910.096.896	971.011.930.206
- Công ty Cổ phần Đầu tư Asia Goldman	60.930.964.020	211.519.892.060
- Các nhà cung cấp trong nước khác	717.979.132.876	759.492.038.146
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	9.428.151.504	6.425.254.184
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>795.600.820.770</b>	<b>2.129.218.054.781</b>

**15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Người mua trả tiền trước	92.930.163.276	764.088.241.491
- Người mua trả tiền trước cho dự án Lotus	13.490.000.000	15.530.000.000
- Người mua trả tiền trước cho dự án Parkview	-	698.417.080.000
- Người mua trả tiền trước khác	79.440.163.276	50.141.161.491
Chiết khấu thương mại chưa xuất hóa đơn (*)	128.434.967.073	123.392.395.019
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>221.365.130.349</b>	<b>887.480.636.510</b>

(\*) Giá trị chiết khấu thương mại đã phát sinh trong năm 2023 nhưng chưa được chi trả tại thời điểm cuối năm. Giá trị chiết khấu này sẽ được giảm trừ vào công nợ phải thu của khách hàng trong các tháng tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm	Số đã nộp/cán trừ trong năm	Số cuối năm
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	6.175.150.082	166.889.819.599	(166.763.751.104)	6.301.218.577
Thuế thu nhập doanh nghiệp	39.018.827.816	72.742.017.137	(85.898.019.088)	25.862.825.865
Thuế nhập khẩu	-	14.299.520.327	(14.299.520.327)	-
Tiền sử dụng đất	7.022	12.752.791.128	(12.752.798.150)	-
Thuế thu nhập cá nhân	441.405	4.163.804.950	(4.164.246.355)	-
Các loại thuế khác	192.038.573	7.020.145.819	(6.910.147.590)	302.036.802
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>45.386.464.898</b>	<b>277.868.098.960</b>	<b>(290.788.482.614)</b>	<b>32.466.081.244</b>
	Số đầu năm	Số kê khai hoàn trong năm	Số đã cán trừ trong năm	Số cuối năm
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	60.950.085.486	89.082.836.357	(105.350.115.014)	44.682.806.829
Thuế khác	4.515.694.972	609.161.078	(557.061.083)	4.567.794.967
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>65.465.780.458</b>	<b>89.691.997.435</b>	<b>(105.907.176.097)</b>	<b>49.250.601.796</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng và phát triển bất động sản phải trả	67.772.011.177	43.010.065.332
Phí mở thư tín dụng	27.105.107.426	10.105.688.570
Chi phí lãi vay phải trả	3.362.609.829	7.062.229.674
Chi phí phải trả khác	6.119.196.047	4.335.716.908
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>104.358.924.479</b>	<b>64.513.700.484</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả từ L/C UPAS (*)	686.258.553.711	-
Các khoản đặt cọc liên quan đến các dự án bất động sản	285.793.734.323	187.429.866.750
Kinh phí bảo trì dự án Parkview	14.465.838.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	50.869.420.423	33.987.403.907
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.037.387.546.457</u></b>	<b><u>221.417.270.657</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Khoản hỗ trợ của UBND tỉnh Bắc Ninh (**)	131.058.667.000	147.441.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (***)	36.576.462.971	74.649.830.322
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	9.814.252.447	11.508.089.656
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>177.449.382.418</u></b>	<b><u>233.598.919.978</u></b>

(\*) Đây là các khoản phải trả theo thư tín dụng L/C UPAS với các tổ chức tín dụng. Các khoản phải trả này có kỳ hạn 1 năm, đáo hạn từ tháng 4 năm 2024 đến tháng 6 năm 2024 và chịu lãi suất từ 6,8%/năm đến 7,2%/năm.

(\*\*) Đây là các khoản hỗ trợ nhận từ UBND tỉnh Bắc Ninh cho một số dự án đầu tư của Công ty.

(\*\*\*) Đây là khoản phải trả theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hợp tác đầu tư và phân chia lợi nhuận giữa Công ty TNHH Du lịch và Khách sạn Le Indochina – công ty con của Tập đoàn và Công ty TNHH JNK Enterprise Việt Nam mà không thành lập pháp nhân mới với đối tác kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	Đơn vị tính: VND
	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)	Tăng	Giảm		
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	3.173.371.678.210	11.761.678.505.326	(10.379.023.975.432)		4.556.026.208.104	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	308.179.301.679	176.204.873.373	(308.179.301.679)		176.204.873.373	
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.3)	73.059.266.832	108.489.727.777	(73.059.266.832)		108.489.727.777	
Trái phiếu đến hạn trả	150.000.000.000	-	(150.000.000.000)		-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.704.610.246.721</b>	<b>12.046.373.106.476</b>	<b>(10.910.262.543.943)</b>		<b>4.840.720.809.254</b>	
<b>Vay dài hạn</b>						
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	642.430.648.570	360.930.979.000	(286.893.606.924)		716.468.020.646	
Nợ thuế tài chính (Thuyết minh số 19.3)	243.817.934.781	237.303.197.953	(171.174.601.124)		309.946.531.610	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>886.248.583.351</b>	<b>598.234.176.953</b>	<b>(458.068.208.048)</b>		<b>1.026.414.552.256</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**19.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn**

Các khoản vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất năm
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	4.556.026.208.104	Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, tối đa 1 năm. Lãi vay trả vào ngày 20 đến 26 hàng tháng.	3,5% - 6,5%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.556.026.208.104</u></b>		

Các tài sản sau được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn:

- ▶ Các khoản tiền gửi ngắn hạn như trình bày ở Thuyết minh số 5, toàn bộ tài sản gắn liền với đất như trình bày tại Thuyết minh số 9 và quyền sử dụng đất của 4 mảnh đất của Công ty ở tỉnh Bắc Ninh;
- ▶ Tài sản thuộc nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp tại Khu công nghiệp Hoàn Sơn, tỉnh Bắc Ninh của Công ty như trình bày tại Thuyết minh số 9 (đồng thời cũng là tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng này – xem Thuyết minh số 19.2);
- ▶ Nhà làm việc cao tầng nay là khách sạn Le Indochina của Công ty TNHH Du lịch và Khách sạn Le Indochina, công ty con của Tập đoàn như trình bày ở Thuyết minh số 9;
- ▶ Bất động sản, máy móc thiết bị, phần vốn góp, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất và các tài sản đảm bảo khác tại Dự án nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam của Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam - công ty con của Tập đoàn như trình bày ở Thuyết minh số 9;
- ▶ Tài sản gắn liền với đất phát sinh từ dự án trung tâm chẩn đoán thú y tại Khu công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh của Công ty như trình bày ở Thuyết minh số 9;
- ▶ Trung tâm thương mại tại khu đô thị Đền Đô, phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh – công ty con của Tập đoàn như trình bày tại Thuyết minh số 9;
- ▶ Hàng tồn kho hình thành từ vốn vay như trình bày tại Thuyết minh số 8; và
- ▶ Phần còn lại là tín chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**19.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn**

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Các khoản vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất năm
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	892.672.894.019	Kỳ hạn khoản vay từ 3 đến 6 năm. Gốc vay được trả trong giai đoạn từ tháng 7 năm 2024 đến tháng 1 năm 2029. Lãi vay trả hàng tháng.	7,8% - 10,0%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>892.672.894.019</b>		
<i>Trong đó</i>			
Vay dài hạn đến hạn trả	176.204.873.373		
Vay dài hạn	716.468.020.646		

Các tài sản sau được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng dài hạn:

- ▶ Tài sản thuộc nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp của Công ty tại Khu công nghiệp Hoàn Sơn, tỉnh Bắc Ninh như trình bày tại Thuyết minh số 9;
- ▶ Toàn bộ bất động sản, công trình trên đất và máy móc thiết bị, động sản nằm trong 19.208 m<sup>2</sup> đất tại cụm công nghiệp Hạp Lĩnh thuộc Dự án Thức ăn chăn nuôi cao cấp Dabaco như trình bày tại Thuyết minh số 9;
- ▶ Tài sản gắn liền với đất Dự án "Nhà máy sản xuất Thức ăn chăn nuôi cao cấp Dabaco Bình Phước" của Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Dabaco Bình Phước – công ty con của Tập đoàn tại ấp Suối Đồi, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước như trình bày tại Thuyết minh số 9;
- ▶ Tài sản gắn liền với đất Dự án “Khu chăn nuôi gà giống Bình Phước”, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác của Công ty TNHH Dabaco Bình Phước – công ty con của Tập đoàn tại ấp Suối Đồi, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước như trình bày tại Thuyết minh số 9;
- ▶ Toàn bộ bất động sản, công trình trên đất và máy móc thiết bị, động sản nằm trong nhà máy ép dầu của Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco – công ty con của Tập đoàn như trình bày tại Thuyết minh số 9 và dự án nhà máy ép dầu – giai đoạn 2 của Công ty tại cụm công nghiệp Tân Chi, xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh như trình bày tại Thuyết minh số 11;
- ▶ Nhà điều hành, nhà xưởng sản xuất của Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang - công ty con của Tập đoàn như trình bày tại Thuyết minh số 9;
- ▶ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất thuộc siêu thị Dabaco Quê Võ của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh – công ty con của Tập đoàn tại Thị xã Quê Võ, tỉnh Bắc Ninh như trình bày tại Thuyết minh số 9;
- ▶ Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai, máy móc và thiết bị chuồng nuôi phát sinh từ dự án khu chăn nuôi lợn tại xã Thạch Tượng và xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa như trình bày tại Thuyết minh số 9.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**19.3 Nợ thuê tài chính**

Chi tiết nợ thuê tài chính dài hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Các khoản nợ thuê tài chính</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất năm</i>
Các khoản nợ thuê tài chính	418.436.259.387	Kỳ hạn khoản nợ thuê tài chính từ 5 đến 12 năm. Gốc vay được trả trong giai đoạn từ tháng 7 năm 2024 đến tháng 6 năm 2025. Lãi vay trả hàng tháng.	6,4% - 10,5%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>418.436.259.387</u></b>		
<i>Trong đó:</i>			
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	108.489.727.777		
<i>Nợ dài hạn</i>	309.946.531.610		

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>		
	<i>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính</i>	<i>Lãi thuê tài chính</i>	<i>Nợ gốc</i>
<b><i>Nợ thuê tài chính ngắn hạn</i></b>			
<i>Từ 1 năm trở xuống</i>	119.859.356.754	11.369.628.977	108.489.727.777
<b><i>Nợ thuê tài chính dài hạn</i></b>			
<i>Từ 1-5 năm</i>	334.497.180.571	24.550.648.961	309.946.531.610
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>454.356.537.325</u></b>	<b><u>35.920.277.938</u></b>	<b><u>418.436.259.387</u></b>
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>		
	<i>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính</i>	<i>Lãi thuê tài chính</i>	<i>Nợ gốc</i>
<b><i>Nợ thuê tài chính ngắn hạn</i></b>			
<i>Từ 1 năm trở xuống</i>	84.895.419.507	11.836.152.675	73.059.266.832
<b><i>Nợ thuê tài chính dài hạn</i></b>			
<i>Từ 1-5 năm</i>	266.282.324.170	22.699.900.493	243.582.423.677
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>351.177.743.677</u></b>	<b><u>34.536.053.168</u></b>	<b><u>316.641.690.509</u></b>

**20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	95.532.645.907	89.715.713.737
- Trích lập trong năm	-	47.490.604.000
- Sử dụng trong năm	(62.145.340.000)	(41.673.671.830)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>33.387.305.907</u></b>	<b><u>95.532.645.907</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
<b>Năm trước:</b>					
Số đầu năm	1.152.394.300.000	418.432.992.221	2.519.655.753.467	595.440.074.446	4.685.923.120.134
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	5.194.587.097	5.194.587.097
- Tăng vốn	1.152.394.300.000	-	(1.152.394.300.000)	-	-
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	115.229.990.000	-	-	(115.239.430.000)	(9.440.000)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	427.415.437.040	(427.415.437.040)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(47.490.604.000)	(47.490.604.000)
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(2.390.000.000)	(2.390.000.000)
Số cuối năm	2.420.018.590.000	418.432.992.221	1.794.676.890.507	8.099.190.503	4.641.227.663.231
<b>Năm nay:</b>					
Số đầu năm	2.420.018.590.000	418.432.992.221	1.794.676.890.507	8.099.190.503	4.641.227.663.231
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	25.007.194.215	25.007.194.215
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	5.194.587.097	(5.194.587.097)	-
Số cuối năm	2.420.018.590.000	418.432.992.221	1.799.871.477.604	27.911.797.621	4.666.234.857.446

(\*) Công ty trích lập quỹ đầu tư phát triển từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Vốn đã góp</b>		
Số đầu năm	2.420.018.590.000	1.152.394.300.000
Tăng trong năm	-	1.267.624.290.000
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>2.420.018.590.000</u></b>	<b><u>2.420.018.590.000</u></b>

**21.3 Cổ tức**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã công bố</b>	-	<b>115.229.990.000</b>
Cổ tức bằng cổ phiếu (5%/cổ phiếu)	-	115.229.990.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã trả</b>	-	<b>115.229.990.000</b>
Cổ tức bằng cổ phiếu (5%/cổ phiếu)	-	115.229.990.000

**21.4 Cổ phiếu**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số lượng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>242.001.859</b>	<b>242.001.859</b>
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>242.001.859</b>	<b>242.001.859</b>
Cổ phiếu phổ thông	242.001.859	242.001.859
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>242.001.859</b>	<b>242.001.859</b>
Cổ phiếu phổ thông	242.001.859	242.001.859

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>11.241.164.150.311</b>	<b>11.687.827.152.346</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	9.873.386.213.843	10.852.634.580.838
<i>Doanh thu bán vật liệu, hàng hóa</i>	598.492.951.047	587.924.014.865
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản và dịch vụ xây lắp</i>	769.284.985.421	247.268.556.643
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(131.163.393.499)</b>	<b>(130.232.486.099)</b>
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(128.434.967.073)	(123.392.395.019)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	-	(556.802.709)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(2.728.426.426)	(6.283.288.371)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>11.110.000.756.812</b>	<b>11.557.594.666.247</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	9.742.222.820.344	10.722.402.094.739
<i>Doanh thu bán vật liệu, hàng hóa</i>	598.492.951.047	587.924.014.865
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản và dịch vụ xây lắp</i>	769.284.985.421	247.268.556.643

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi và trả chậm	33.675.641.171	26.942.623.912
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.101.095.198	1.855.081.422
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>35.776.736.369</b>	<b>28.797.705.334</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm	9.061.072.507.956	10.020.870.917.242
Giá vốn của vật liệu, hàng hóa	473.873.138.477	483.837.346.788
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản và dịch vụ xây lắp	460.813.887.528	93.350.701.397
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.995.759.533.961</b>	<b>10.598.058.965.427</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	261.799.262.786	179.749.859.502
Lỗi chênh lệch tỷ giá	671.218.028	2.290.458.544
Khác	18.264.930.777	18.693.306.652
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>280.735.411.591</u></b>	<b><u>200.733.624.698</u></b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>432.440.161.015</b>	<b>403.169.934.750</b>
- Chi phí vật liệu và công cụ dụng cụ	19.838.845.590	18.949.053.980
- Chi phí nhân công	216.888.354.676	221.348.867.606
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.177.879.576	27.801.814.325
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.335.242.949	79.448.497.778
- Chi phí khác	37.199.838.224	55.621.701.061
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>356.355.906.770</b>	<b>343.520.530.816</b>
- Chi phí văn phòng phẩm	11.656.387.528	8.681.235.656
- Chi phí nhân công	207.436.244.368	212.079.816.001
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.395.651.467	41.390.710.012
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.935.821.102	42.975.238.797
- Chi phí khác	38.931.802.305	38.393.530.350
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>788.796.067.785</u></b>	<b><u>746.690.465.566</u></b>

**26. THU NHẬP KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập từ nhận hỗ trợ	16.382.333.000	37.000.000.000
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	663.465.574	427.946.127
Thu nhập khác	4.623.314.859	7.014.183.700
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>21.669.113.433</u></b>	<b><u>44.442.129.827</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.263.477.258.076	9.188.764.425.801
Chi phí nhân công	804.421.590.847	805.670.156.444
Chi phí khấu hao và hao mòn	547.283.343.319	497.033.504.524
Chi phí dịch vụ mua ngoài	400.945.187.846	646.111.203.767
Chi phí khác	358.926.397.404	371.466.065.388
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.375.053.777.492</u></b>	<b><u>11.509.045.355.924</u></b>

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con trong năm là 15% lợi nhuận chịu thuế đối với hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi, trồng trọt và chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản và 20% cho các hoạt động khác, ngoại trừ:

- ▶ Các công ty con bao gồm Công ty TNHH MTV Lợn Giống Lạc Vệ, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Chăn nuôi gia công, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Chăn nuôi Lợn Dabaco, Công ty TNHH Lợn giống Hạt nhân, Công ty TNHH Lợn giống Phú Thọ, Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Lương Tài, Công ty TNHH Dabaco Bình Phước và Công ty TNHH Lợn giống Hà Nam được ưu đãi thuế theo địa bàn với thuế suất là 10% và được miễn thuế TNDN trong thời gian 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế theo các Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp;
- ▶ Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam được hưởng ưu đãi thuế theo dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn với thuế suất là 17% và được miễn thuế TNDN trong thời gian 2 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế theo giấy chứng nhận đầu tư; và
- ▶ Công ty TNHH Dabaco Tuyên Quang được hưởng ưu đãi theo địa bàn với thuế suất là 10%.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho các công ty con bao gồm Công ty TNHH Lợn Giống Lạc Vệ, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Gia công lợn, Công ty TNHH Lợn giống Hạt nhân và Công ty TNHH Lợn giống Phú Thọ là 5% và các công ty con bao gồm Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển gia công gà, Công ty TNHH Lợn giống Lương Tài, Công ty TNHH Lợn giống Hà Nam và Công ty TNHH Dabaco Bình Phước đang được miễn thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**29.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	72.742.017.137	73.783.481.300
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>72.742.017.137</u></b>	<b><u>73.783.481.300</u></b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	97.749.211.352	78.978.068.397
Thuế TNDN theo thuế suất của từng hoạt động	38.013.436.567	44.923.981.668
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thuế suất 15% của hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi</i>	27.836.202.791	29.788.003.722
<i>Thuế suất 20% của các hoạt động khác</i>	41.207.015.824	36.576.297.870
<i>Thuế suất ưu đãi của hoạt động chăn nuôi</i>	(31.029.782.048)	(21.440.319.924)
Chi phí khấu hao ứng với phần vượt định mức	597.391.130	590.957.922
Chi phí lãi vay không được trừ	27.538.689.889	4.537.921.422
(Giảm)/tăng khác	(1.500.356.552)	3.471.472.707
Lỗi năm trước chuyển sang	(8.063.593.581)	(6.763.421.998)
Thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận liên quan đến lỗ tính thuế	16.156.449.684	27.022.569.579
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>72.742.017.137</u></b>	<b><u>73.783.481.300</u></b>

**29.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**29.3 Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận**

**Lỗi chuyển sang từ năm trước**

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các công ty con có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2023	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2023
2020	2025	91.599.440.642	(91.599.440.642)	-	-
2021	2026	14.876.259.785	(14.876.259.785)	-	-
2022	2027	369.318.804.399	(1.550.613.351)	-	367.768.191.048
2023	2028	194.539.676.842	-	-	194.539.676.842
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>670.334.181.668</b>	<b>(108.026.313.778)</b>	<b>-</b>	<b>562.307.867.890</b>

(\*) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con và chưa được các cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại đối với khoản lỗ thuế của các công ty con do không chắc chắn lợi nhuận tính thuế trong tương lai của các công ty này.

**Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định**

Tập đoàn được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm		Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh	Chi phí lãi vay chưa được trừ	
				Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 31/12/2023	Chi phí lãi vay không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 31/12/2023
2020	2025	(i)	48.978.408.894	-	48.978.408.894
2021	2026	(i)	2.683.110.949	-	2.683.110.949
2022	2027	(i)	62.904.920.197	-	62.904.920.197
2023	2028	(i)	444.043.631.873	-	444.043.631.873
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>558.610.071.913</b>	<b>-</b>	<b>558.610.071.913</b>

(i) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con chưa được các cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ nêu trên do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Transeco	Công ty liên kết
Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Dabaco	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch Hội đồng quản trị (“HĐQT”)
Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Tường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Thành viên HĐQT
Ông Lê Quốc Đoàn	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên HĐQT
Ông Hoàng Nguyễn Học	Thành viên HĐQT
Ông Bùi Văn Hoàn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Tuất	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Việt Quân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Học	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lệ Thị Minh Thu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Hải Huyền	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Huệ Minh	Chánh Văn phòng HĐQT, người được ủy quyền công bố thông tin kiêm phụ trách quản trị công ty
Ông Hồ Sỹ Quý	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Bích	Thành viên ban kiểm soát
Bà Đinh Thị Minh Thuận	Phụ trách ban kiểm toán nội bộ
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên ban kiểm toán nội bộ
Ông Nguyễn Xuân Quang	Thành viên ban kiểm toán nội bộ

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Transeco	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ vận tải	37.426.578.904	-
		Phân bổ chi phí sử dụng tài sản	451.876.894	1.221.146.196
		Cổ tức được chia	2.000.000.000	-

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Tập đoàn phân bổ chi phí sử dụng tài sản cho công ty liên kết dựa trên chi phí khấu hao thực tế của các tài sản.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với số tiền các bên liên quan còn nợ Tập đoàn (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Phải thu khác từ thành viên quản lý chủ chốt về giao dịch chuyển nhượng vốn góp công ty liên kết (Thuyết minh số 7.1)</b>		1.000.000.000	1.000.000.000
		<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15.1)</b>			
Công ty Cổ phần Transeco	Công ty liên kết	9.428.151.504	6.425.254.184
		<b>9.428.151.504</b>	<b>6.425.254.184</b>

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Thu nhập</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	1.933.309.000	1.877.296.000
Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.330.309.000	1.302.296.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	848.309.000	1.022.296.000
Ông Nguyễn Thế Tường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	848.309.000	1.022.296.000
Ông Hoàng Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc	1.052.129.000	1.050.182.000
Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Thành viên HĐQT	521.704.000	240.000.000
Ông Lê Quốc Đoàn	Thành viên HĐQT	542.216.481	240.000.000
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên HĐQT	240.000.000	360.000.000
Ông Hoàng Nguyên Học	Thành viên HĐQT	240.000.000	360.000.000
Ông Bùi Văn Hoan	Thành viên HĐQT	241.000.000	361.000.000
Ông Phạm Văn Học	Phó Tổng Giám đốc	848.309.000	872.296.000
Ông Nguyễn Văn Tuế	Phó Tổng Giám đốc	848.309.000	872.296.000
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 3 tháng 1 năm 2023)	848.309.000	-
Ông Đỗ Viết Quân	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 3 tháng 1 năm 2023)	848.309.000	-
Bà Lê Thị Minh Thu	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023)	650.219.000	-
Bà Bùi Hải Huyền	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2023)	425.045.000	-
Ông Nguyễn Thế Chinh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2022)	-	735.135.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>12.265.785.481</b>	<b>10.315.093.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát	844.960.000	1.050.819.000

**31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	25.007.194.215	5.194.587.097
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>25.007.194.215</b>	<b>5.194.587.097</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	242.001.859	242.001.859
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>242.001.859</b>	<b>242.001.859</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	103	21
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	103	21

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Toàn bộ các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

	Kinh doanh thức ăn chăn nuôi và nguyên vật liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ xây lắp và các hoạt động khác	Kinh doanh con giống và chế biến thực phẩm	Điều chỉnh và loại trừ	Tổng cộng
<b>Doanh thu thuần</b>					
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	5.610.442.965.726	769.284.985.421	4.730.272.805.665	-	11.110.000.756.812
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	7.162.490.901.975	59.810.922.418	2.164.686.272.461	(9.386.988.096.854)	-
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>12.772.933.867.701</b>	<b>829.095.907.839</b>	<b>6.894.959.078.126</b>	<b>(9.386.988.096.854)</b>	<b>11.110.000.756.812</b>
<b>Kết quả</b>					
Lợi nhuận trước thuế	242.366.549.684	210.911.252.647	(515.463.875.398)	159.935.284.419	97.749.211.352
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(29.747.440.974)	(42.182.250.530)	(812.325.633)	-	(72.742.017.137)
Lợi nhuận thuần sau thuế	212.619.108.710	168.729.002.117	(516.276.201.031)	159.935.284.419	25.007.194.215
<b>Tài sản và nợ phải trả</b>					
Tổng tài sản	10.042.389.255.195	1.382.263.874.002	5.998.344.965.369	(4.411.293.836.694)	13.011.704.257.872
Tài sản bộ phận	10.042.389.255.195	1.382.263.874.002	5.998.344.965.369	(5.612.875.059.862)	11.810.123.034.704
Tài sản không phân bổ (*)	-	-	-	1.201.581.223.168	1.201.581.223.168
Tổng nợ phải trả	7.059.009.175.742	721.074.036.934	6.573.913.208.475	(6.008.527.020.725)	8.345.469.400.426
Nợ phải trả bộ phận	7.059.009.175.742	721.074.036.934	6.573.913.208.475	(6.008.527.020.725)	8.345.469.400.426

(\*) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

	Kinh doanh thức ăn chăn nuôi và nguyên vật liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ xây lắp và các hoạt động khác	Kinh doanh con giống và chế biến thực phẩm	Điều chỉnh và loại trừ	Tổng cộng
<b>Doanh thu thuần</b>					
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	5.614.307.189.573	247.268.556.643	5.696.018.920.031	-	11.557.594.666.247
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	8.336.009.004.477	125.517.586.016	1.599.970.829.620	(10.061.497.420.113)	-
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>13.950.316.194.050</b>	<b>372.786.142.659</b>	<b>7.295.989.749.651</b>	<b>(10.061.497.420.113)</b>	<b>11.557.594.666.247</b>
<b>Kết quả</b>					
Lợi nhuận trước thuế	841.667.821.921	137.717.630.839	(338.481.825.905)	(561.925.558.458)	78.978.068.397
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(39.927.434.155)	(17.321.049.229)	(16.534.997.916)	-	(73.783.481.300)
Lợi nhuận thuần sau thuế	801.740.387.766	120.396.581.610	(355.016.823.821)	(561.925.558.458)	5.194.587.097
<b>Tài sản và nợ phải trả</b>					
Tổng tài sản	10.019.111.190.724	1.506.426.148.067	5.111.474.773.042	(3.662.908.190.483)	12.974.103.921.350
Tài sản bộ phận	10.019.111.190.724	1.506.426.148.067	5.111.474.773.042	(4.909.129.542.955)	11.727.882.568.878
Tài sản không phân bổ (*)	-	-	-	1.246.221.352.472	1.246.221.352.472
Tổng nợ phải trả	6.777.324.647.255	1.275.365.045.285	5.134.214.263.697	(4.854.027.698.118)	8.332.876.258.119
Nợ phải trả bộ phận	6.777.324.647.255	1.275.365.045.285	5.134.214.263.697	(4.854.027.698.118)	8.332.876.258.119

(\*) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**33. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết đầu tư***

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có các cam kết góp vốn đầu tư vào các công ty con như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Xây dựng Hồ Điều Hòa Văn Miếu Bắc Ninh	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH Dabaco Hòa Bình	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Dabaco Quảng Ninh	99.000.000.000	99.000.000.000
Công ty TNHH Dược và Thú y Dacovet	50.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cụm Công nghiệp Khúc Xuyên	43.000.000.000	43.000.000.000
Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Việt Nhật	35.000.000.000	35.000.000.000
Công ty TNHH Du lịch và Khách sạn Le Indochina	26.907.454.091	26.907.454.091
Công ty TNHH Dabaco Thanh Hóa	-	100.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển chăn nuôi gia công	-	20.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Đường H2 Thành phố Bắc Ninh	-	13.350.672.132
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>453.907.454.091</u></b>	<b><u>537.258.126.223</u></b>

***Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động***

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê đất phải trả trong tương lai liên quan đến các lô đất dùng để xây dựng nhà máy sản xuất, văn phòng, thuê chuồng, trại chăn nuôi và để phát triển các dự án bất động sản theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	88.037.227.502	87.125.227.502
Trên 1 - 5 năm	137.155.041.431	137.155.041.431
Trên 5 năm	451.021.055.960	538.146.283.462
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>676.213.324.893</u></b>	<b><u>762.426.552.395</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

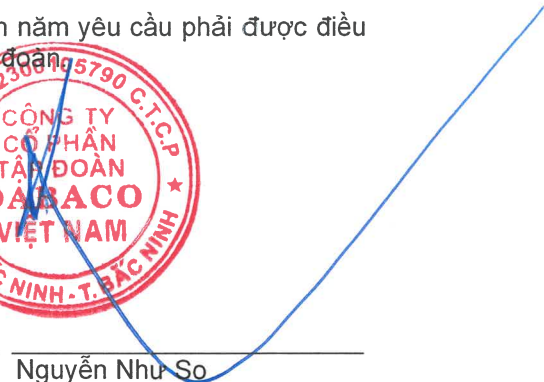
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hương  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Kế toán trưởng



Nguyễn Nhu So  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bắc Ninh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024



## **EY | Building a better working world**

**EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.**

**Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.**

**Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.**

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via [ey.com/privacy](https://ey.com/privacy). EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit [ey.com](https://ey.com).

© 2024 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

[ey.com/en\\_vn](https://ey.com/en_vn) | [ey.com/vi\\_vn](https://ey.com/vi_vn)



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *112*/CV-DBC

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế trên  
BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm  
2023 thay đổi so với năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính,  
ban hành hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty cổ phần Tập  
đoàn DABACO Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young  
Việt Nam ngày 28/3/2023,

Công ty cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam xin giải trình lợi nhuận sau  
thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 tăng 19.812 triệu đồng  
(tương đương 3,8 lần) so với năm 2022 là do:

Năm 2023, giá cả một số mặt hàng nguyên liệu chính nhập khẩu để sản xuất  
thức ăn chăn nuôi giảm, theo đó giá thành sản xuất thức ăn chăn nuôi giảm, dẫn  
tới lợi nhuận của các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi tăng so với năm trước.

Tuy nhiên, năm 2023 các công ty chăn nuôi vẫn gặp nhiều khó khăn do  
dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm diễn biến phức tạp và tái bùng phát ở nhiều  
địa phương trong cả nước. Mặt khác, nhu cầu tiêu dùng giảm dẫn đến giá thực  
phẩm luôn ở mức thấp trong thời gian dài đã ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất  
kinh doanh của các công ty chăn nuôi trong tập đoàn.

Công ty xin giải trình để UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố  
Hồ Chí Minh và các cổ đông, nhà đầu tư được biết.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi
- Lưu; TCKT, VPHĐQT, VT.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**



**T/L. CHỦ TỊCH HĐQT  
CHÁNH VĂN PHÒNG HĐQT**  
*Nguyễn Thị Huệ Minh*